

Số: /GPMT-SoNNMT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long Tân và xã Phú Hội, diện tích 9,991 ha” của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai);

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 93/PV2-CNĐN ngày 29 tháng 8 năm 2025; Văn bản số 107/PV2-CNĐN ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 về việc giải trình, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư PV2, địa chỉ tại Số 1 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án đầu tư “Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long Tân và xã Phú Hội, quy mô 9,991 ha - Giai đoạn 1 (Diện tích: 78.454 m²)” địa chỉ xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu dân cư theo quy hoạch tại Xã Long Tân và Xã Phú Hội, quy mô 9,991 ha - Giai đoạn 1 (Diện tích: 78.454 m²).

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1152/QĐ-UBND của UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 26/5/2014, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 14/4/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính) cấp mã số doanh nghiệp 0102306389 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 09 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0102306389.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô dự án (theo báo cáo ĐTM được duyệt): 99.910 m²; phạm vi đã hoàn thiện xin cấp phép: Giai đoạn 1 với diện tích 78.454 m² gồm các hạng mục cụ thể:

- Các hạng mục đã hoàn thành, thuộc phạm vi cấp phép gồm: (1) Đất ở 43.974,6m²; (2) đất dịch vụ công cộng 2.763m²; (3) đất cây xanh – thể dục thể thao 2.799,6m²; (4) Đất giao thông 28.916,8m²; bao gồm các hạng mục/công trình: đầu tư xây dựng 43 nhà liên kế; hạ tầng kỹ thuật gồm đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống xử lý nước thải, hệ thống cung cấp điện, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, hệ thống thông tin liên lạc.

Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 07/03/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho phép Công ty Cổ phần đầu tư PV2 chuyển mục đích sử dụng đất để

thực hiện dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long Tân và xã Phú Hội, quy mô 9,991ha. Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 02/06/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh diện tích đất ghi tại Điều 1 Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 07/03/2018 của UBND tỉnh về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(Các hạng mục/công trình được Sở Xây dựng cấp Thông báo số 273/SXD-QLXD và Giấy phép xây dựng số 12/GPXD ngày 31/7/2024).

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): nhóm B.

- Dự án đầu tư: nhóm II.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình, biện pháp quản lý chất thải bảo đảm chất thải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 12 tháng 11 năm 2035.

Điều 4. Giao Phòng Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND xã Nhơn Trạch;
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Quản lý Công thông tin điện tử) (đăng tải);
- Trung tâm Công nghệ thông tin (đăng tải).

Lưu: VT, MT, H. Thao+Khanh Trang

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Trọng Toàn

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân sinh sống tại 43 căn nhà liên kế, lưu lượng khoảng 26 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng 1 (nguồn số 01): nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 390 m³/ngày, đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý của dự án được đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc tuyến đường Vườn Huệ dẫn về cống thoát nước trên đường DT 769, sau đó thoát ra rạch Bàu Cá, sông Đồng Môn và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai theo Văn bản số 2259/UBND-CN ngày 11/4/2017 của UBND huyện Nhơn Trạch (nay là xã Nhơn Trạch).

2.2. Vị trí xả nước thải.

- Hồ ga đầu nối vào vào đường ống thoát nước dọc tuyến đường Vườn Huệ dẫn về cống thoát nước của đường DT 769, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí hồ ga: X: 1188158.964; Y: 405591.8317. (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Lưu lượng xả thải tối đa tại giai đoạn 1 là khoảng 26 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A, K = 1 (áp dụng trước ngày 31/12/2031)	QCVN 14:2025/ BTNMT, cột A, bảng 1 (áp dụng sau ngày 31/12/2031)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 – 9	6– 9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục.
2	BOD ₅	mg/L	30	≤ 30		
3	COD	mg/L	-	≤ 80		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50	≤ 50		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500	-		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,0	≤ 0,2		
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	5	≤ 4,0		
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30	-		
9	Tổng Nito	mg/L	-	≤ 25		
10	Tổng Photpho	mg/L	-	≤ 4,0		
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10	≤ 10		
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt (chất hoạt động bề mặt anion)	mg/L	5	≤ 3,0		
13	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6	-		
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	3.000	≤ 3.000		

B. CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của từng hộ dân phát sinh chủ yếu từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 2 m³ các hoạt động khác (tắm, giặt, nấu ăn...) được thu gom và đầu nối vào hố ga thải trên các trục đường bằng hệ

thông ống uPVC kích thước D90, D140 và D200. Toàn bộ nước thải từ các hố ga thải được thu gom bằng hệ thống cống bê tông cốt thép D300 – D400, tuyến công chính được bố trí trên đường D1 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 390 m³/ngày của dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua Bể tự hoại 03 ngăn) → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nước thải sau xử lý → Hệ thống thoát nước chung hiện hữu của khu vực → thoát ra rạch Bàu Cá, sông Đồng Môn và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

- Hóa chất sử dụng: Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất; thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động dự án; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm dự kiến khi dân số lấp đầy được 50% trên tổng quy mô của dự án giai đoạn 1 (khoảng 200 người)).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 390m³/ngày (giai đoạn 1 vận hành khoảng 10% công suất hệ thống).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (tại Bể thu gom).
- Mẫu đầu ra sau công trình xử lý nước thải (sau Cột lọc áp lực, tại hố ga đầu nối nước thải sau xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

Thời gian đánh giá: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình nước thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước khi thải ra ngoài môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng, có nhật ký vận hành, ghi chép lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT.

3.4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật; thường xuyên theo dõi và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình lưu chứa nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của đảm bảo đủ khả năng lưu chứa, tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.5. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể xử lý nước thải nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.6. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong quá trình xử lý nước thải của dự án và đề xuất giải pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

3.7. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm của cơ sở khi đã hoàn thành việc thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của cơ sở cho cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát việc thực hiện..

3.8. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải phát sinh ra môi trường.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày 12 tháng 11 năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: khu vực công ra vào khu dân cư.
- Nguồn số 02: khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	55	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày 12 tháng 11 năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	240	NH
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	22	NH
3	Các thiết bị điện khác có các linh kiện điện tử có các thành phần nguy hại	15 01 09	Rắn	170	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	125	KS
5	Các loại động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn	45	NH
TỔNG KHỐI LƯỢNG				602	

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ HTXLNT	12 06 10	1.860
TỔNG KHỐI LƯỢNG			1.860

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
2	Chất thải rắn thực phẩm	36.726,3

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
3	Chất thải có khả năng tái chế	14.125,5
4	Chất thải còn lại	5.605,2
TỔNG KHỐI LƯỢNG		56.502

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Kho lưu chứa trong nhà được thiết kế bê tông dạng phòng kín, có bố trí thông gió, cửa ra vào, nền bê tông, có biện pháp ứng phó khi xảy ra đổ/tràn.

2.1.2. Diện tích kho lưu chứa trong nhà khoảng 15 m²

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Các hộ dân tự trang bị thùng chứa, bao bì chuyên dụng để phân loại, lưu giữ chất thải, hằng ngày sẽ có đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

Chủ dự án bố trí thùng rác trên các trục đường chia làm 03 loại (chất thải thực phẩm, chất thải rắn tái chế và chất thải sinh hoạt khác).

Quản lý khu nhà ở sẽ là trung gian giữa hộ dân và đơn vị thu gom, xử lý chất thải để thực hiện ký hợp đồng.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025). Việc phân loại, lưu chứa, thời gian, tần suất chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2024/UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn người dân thực hiện phân loại triệt để chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày DD tháng MM năm YYYY của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình trong giai đoạn 2 và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các công trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 đối với dự án “Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long Tân và xã Phú Hội, diện tích 9,991 ha” của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai) và có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xây dựng của dự án. Đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường khu dân cư theo quy định Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát nước thải phát sinh; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

9. Thực hiện công trình, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Trong quá trình hoạt động dự án nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến UBND xã Nhơn Trạch, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

11. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ đối với người dân, cán bộ, công nhân viên.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.